

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả triển khai Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ
giai đoạn 2020 - 2030 (năm 2024)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 3850/SNN-KHTH ngày 06/11/2024 về việc báo cáo kết quả triển khai Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 (năm 2024).

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030, Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo kết quả thực hiện năm 2024 đối với lĩnh vực lâm nghiệp như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Chi cục Kiểm lâm đã quán triệt, phổ biến đến công chức và người lao động của toàn lực lượng Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 để nghiên cứu, quán triệt nhận thức sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của phát triển nông nghiệp hữu cơ nhằm phục vụ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng sinh học

a) Lực lượng kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Các hạt kiểm lâm đã tổ chức tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR. Các đơn vị chủ rừng triển khai các biện pháp PCCCR ở cơ sở; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao. Qua đó, công tác bảo vệ rừng, PCCCR được thực hiện tương đối tốt, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có đến năm 2023 là 348.035,92 ha, tỷ lệ che phủ rừng năm 2023 đạt 57,32%, tăng 0,4% so với năm 2022 (56,92%) và ước đến 31/12/2024 đạt 57,7%.

b) Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 04 khu rừng đặc dụng, gồm: Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão: 22.682,09 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát: 8.308,39 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh: 209,82 ha; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn: 1.639,35 ha.

c) Những năm gần đây tỉnh đã có chủ trương xây dựng, phát triển trồng rừng phòng hộ hỗn loài trên quy mô rộng, nhiều loài cây bản địa như Sao đen, Lim xanh, ... đã được đưa vào trồng rừng góp phần nâng cao hiệu quả phòng hộ, phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học.

2. Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

a) Các chủ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững trên diện tích rừng hiện có với mục tiêu: Bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh. Đến nay, có 10/12 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, gồm: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp và 07 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. Dự kiến, đến cuối năm 2024, UBND tỉnh sẽ phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của 02 Ban quản lý rừng phòng hộ còn lại.

b) Năm 2024, có 1.284,70 ha diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng. Đến nay, diện tích được cấp chứng chỉ rừng toàn tỉnh là 12.175,90 ha, trong đó: rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (*khu vực bảo vệ ven suối*) 217,0 ha, diện tích rừng trồng 10.508,9 ha. Diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC là 10.508,9 ha, cụ thể:

- Công ty TNHH LN Sông Kôn: 1.284,7 ha.
- Công ty TNHH LN Hà Thanh: 2.563,55 ha.
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 2.614,93 ha.
- Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Phú Tài: 3.053,22 ha.
- Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân: 992,5 ha.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã cho chủ trương, cho phép Công ty TNHH lâm nghiệp Thiện Hoàng được triển khai dự án trồng rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC_{FM} và VFCS/PEFC, dựa trên mô hình nhóm liên kết, nhằm tăng thu nhập cho người dân trồng rừng trên địa bàn các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ và Thị xã An Nhơn, diện tích dự kiến 1.940 ha.

3. Giảm số lượng thuốc bảo vệ thực vật hoá học

Các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp đưa các giống mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với sâu, bệnh hại và thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất và trồng rừng. Do đó, giảm thiểu tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoá học trong quá trình sản xuất cây giống và giảm thiểu tình trạng sâu, bệnh hại của rừng trồng, cụ thể như:

a) 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp (*DNTN Nguyễn Hạnh, Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn và Công*

ty TNHH Vũ Hà) sử dụng các giống mới, giống tiến bộ, giống quốc gia được chuyển giao từ Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy để sản xuất cây giống nuôi cấy mô phục vụ nhu cầu trồng vườn cây đầu dòng và trồng rừng của tỉnh.

b) Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu, khảo nghiệm và được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận 10 giống Keo lai và 2 giống Keo lá tràm có năng suất cao và chất lượng tốt phục vụ trồng rừng ở vùng Nam Trung Bộ, đây là những giống sinh trưởng nhanh, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu gió bão để phục vụ trồng rừng gỗ lớn vùng Nam Trung Bộ.

4. Gia tăng giá trị từ rừng

a) Người trồng rừng trên địa bàn tỉnh, không còn trồng rừng theo hình thức quảng canh mà đã chuyển sang trồng rừng thâm canh, trồng rừng bằng cây giống có nguồn gốc rõ ràng, một số đơn vị trồng rừng bằng cây nuôi cấy mô nên chất lượng và năng suất rừng trồng ngày càng được nâng cao. Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m³/ha/năm, đến nay là 22 m³/ha/năm; đối với rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, năng suất bình quân đạt tới 25 m³/ha/năm.

b) Các công ty TNHH lâm nghiệp, các doanh nghiệp thực hiện các hình thức liên kết, hợp tác, chia sẻ lợi ích trong chuỗi sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, gắn trồng rừng gỗ lớn với khai thác, chế biến và thương mại lâm sản. Đến nay, diện tích trồng rừng gỗ lớn của tỉnh đạt 10.082 ha, cụ thể:

- Công ty TNHH LN Hà Thanh: 1.917,0 ha.
- Công ty TNHH LN Quy Nhơn: 818,0 ha.
- Công ty TNHH LN Sông Côn: 754,7 ha.
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh: 150 ha.
- Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn: 3.090,7 ha
- Xí nghiệp lâm nghiệp PISICO: 182 ha.
- Công ty CP Năng lượng SH Phú Tài: 3.016,77 ha.
- Các hộ dân: 152,83 ha.

5. Tăng tỷ lệ phụ phẩm trong lâm nghiệp được tái sử dụng, tái chế

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 12 doanh nghiệp áp dụng mô hình chế biến viên nén, công suất sản xuất 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm. Nguyên liệu để sản xuất viên nén là từ các phế, phụ phẩm trong sản xuất lâm nghiệp, như: cành cây nhỏ, đầu mẫu gỗ vụn, mùn cưa, ... được các doanh nghiệp tái sử dụng, tái chế để sản xuất viên nén. Qua đó, đã góp phần bảo vệ môi trường, tạo việc làm, thúc đẩy quá trình chuyển đổi nông nghiệp xanh, phát thải thấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Sản phẩm ngành công nghiệp gỗ là tạo ra sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Khi hết vòng đời, sản phẩm của gỗ có thể tái tạo vòng đời mới, tạo nguồn năng lượng mới thay thế năng lượng tái tạo, phân hủy nhanh, ít gây ảnh hưởng đến môi trường, thậm chí làm phân bón hữu cơ cho nông nghiệp và trồng rừng. Bởi vậy, xu hướng của thế giới là sẽ sử dụng gỗ và sản phẩm gỗ sẽ tăng rất mạnh trong thời gian tới.

2. Khó khăn

a) Tình trạng vi phạm các quy định về bảo vệ rừng vẫn diễn ra phức tạp, việc chặt phá, khai thác rừng trái phép, cháy rừng, xâm lấn rừng, chống người thi hành công vụ còn xảy ra.

b) Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, thu nhập của người lao động từ rừng so với các ngành nghề khác còn thấp nên sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp còn hạn chế

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ

a) Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng trồng. Nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh năm 2025 đạt 58%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học.

b) Hình thành các vùng rừng trồng gỗ lớn tập trung, tăng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng, góp phần tạo ra nguồn nguyên liệu từ rừng trồng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu.

2. Giải pháp

a) Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp cho doanh nghiệp và người dân; phổ biến chủ trương, quy định của pháp luật, chính sách khuyến khích mô hình nông nghiệp hữu cơ và định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

b) Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm dần tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

c) Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nguồn gốc của cây giống trồng rừng và tuyên truyền người trồng rừng sử dụng cây giống nuôi cấy mô, các giống mới có khả năng chống chịu sâu, bệnh hại trong trồng rừng sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và giá trị rừng trồng.

d) Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp chế biến gỗ tiếp cận và áp dụng công nghệ chế biến, quản lý theo tiêu chuẩn chất lượng ISO; thực hiện quy trình quản lý Chuỗi hành trình FSC – CoC đáp ứng yêu cầu sản xuất lớn, chất lượng đồng bộ, thời gian giao hàng nhanh, kiểu dáng mẫu mã đa dạng, phong phú.

Sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ khai thác từ các khu rừng được quản lý bền vững, có chứng chỉ quản lý rừng, bước đầu đáp ứng được các yêu cầu, tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường của các nước EU và Hoa Kỳ.

e) Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp và người dân trong phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp hữu cơ để đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ: Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí kịp thời và đầy đủ cho công tác quản lý và bảo vệ diện tích rừng tự nhiên; tăng ngân sách đầu tư có trọng điểm cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ; Ban hành các chính sách về cơ chế hỗ trợ vốn, cơ chế cho vay phù hợp với trồng rừng kinh doanh gỗ lớn; Cân đối ngân sách để bố trí vốn đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến gỗ; Lồng ghép chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp hữu cơ vào chính sách đầu tư phát triển lâm nghiệp.

2. Đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT: Đề nghị nghiên cứu, khảo nghiệm để đưa giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất cao, tính chống chịu sâu bệnh hại và môi trường khắc nghiệt phù hợp với mục đích kinh doanh gỗ lớn, phù hợp với từng loại lập địa; Nghiên cứu phát triển, tạo ra các công nghệ, quy trình sản xuất khép kín theo chuỗi, vật tư đầu vào, như: phân bón, thuốc phòng, trừ sâu bệnh hại cây rừng, ... từ các chế phẩm sinh học; Chuyên giao, nhân rộng các mô hình kinh tế nông nghiệp hữu cơ quả trong sản xuất lâm nghiệp nghiệp bền vững.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KH-TH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu